

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ Đ  
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 156/2022/HS-ST

Ngày 19 - 9 - 2022

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ Đ, TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Bằng

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Vũ Văn Quỳnh

Bà Nguyễn Thị Nhung

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thu Hương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Điện Biên.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ tham gia phiên tòa:** Ông Lưu Ngọc Thắng - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2022, tại điểm cầu trung tâm trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Điện Biên và điểm cầu thành phần Nhà giam giữ Công an thành phố Đ, xét xử sơ thẩm công khai, trực tuyến vụ án hình sự thụ lý số: 159/2022/TLST-HS ngày 23 tháng 8 năm 2022, quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 155/2022/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 9 năm 2022, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Vũ Minh P** (tên gọi khác: Không) - Sinh năm: 1967; Nơi sinh: Tại tỉnh Hưng Yên; Nơi ĐKKTT và chỗ ở trước ngày bị bắt: Tổ dân phố K, phường N, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 07/10; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Vũ Minh K (đã chết) và bà Văn Thị L (đã chết); Bị cáo có 02 người con, lớn sinh năm 1991, nhỏ sinh năm 1995.

Tiền án; Tiền sự: Không;

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 30/5/2022, sau đó bị tạm giam cho đến nay, bị cáo có mặt tại phiên tòa (tại điểm cầu thành phần).

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Bà Nguyễn Thị T - sinh năm: 1970; Địa chỉ: Bản P, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. Có mặt tại phiên tòa.

**- Người tiến hành tố tụng tại điểm cầu thành phần:** Ông Quảng Văn Long - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Điện Biên, có mặt tại điểm cầu thành phần.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:*

Hồi 13 giờ 50 phút, ngày 30/5/2022, công an thành phố Đ làm nhiệm vụ tại khu vực tổ dân phố 11, phường Nam Thanh, thành phố Đ, phát hiện Vũ Minh P điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 27P1-012.00 có biểu hiện phạm tội về ma túy, tổ công tác yêu cầu dừng xe kiểm tra. P tự giác giao nộp cho tổ công tác 01 cục Heroine có khối lượng 0,1gam đang cầm trong lòng bàn tay trái và 01 gói giấy màu trắng chứa các cục Heroine có khối lượng 0,13gam để trong túi áo phía trước, bên trái đang mặc. Bị cáo khai số heroine trên vừa mua được của một người nam giới không quen biết ở đường thuộc bản Xôm, xã Thanh An, huyện Điện Biên với giá 100.000đ, mục đích để sử dụng. Sau khi mua được Heroine, bị cáo mở ra kiểm tra thì làm rơi 01 cục xuống đất, liền nhặt lên cầm trong lòng bàn tay trái và gói số Heroine còn lại cất vào túi áo, trên đường về thì bị bắt quả tang, thu giữ vật chứng.

Tại Bản kết luận giám định số 729/KL-KTHS ngày 06/6/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Điện Biên, kết luận: Khối lượng vật chứng ký hiệu H1: 0,1 gam; H2: 0,13gam. 02 mẫu chất bột màu trắng đục ký hiệu H1, H2 gửi giám định là chất ma túy: Loại Heroine. Hoàn lại đối tượng giám định H1: 0,04gam; H2: 0,08gam.

Tại Bản cáo trạng số: 107/CT-VKSTPĐBP ngày 23/8/2022 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ, tỉnh Điện Biên truy tố bị cáo **Vũ Minh P** về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T trình bày: Khoảng 08 giờ 15 phút ngày 30/5/2022, bị cáo có đi bộ đến nhà bà T hỏi mượn xe mô tô biển kiểm soát 27P1-012.00 để đi chạy xe ôm nên tôi đồng ý cho mượn và giao giấy tờ xe cho bị cáo. Chiếc xe là tài sản riêng của bà T mua năm 2010. Bà T không biết bị cáo sử dụng chiếc xe để đi mua ma túy về sử dụng. Bà đã nhận lại xe và không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề gì.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ, tỉnh Điện Biên giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố và khẳng định hành vi trên của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo 12 đến 15 tháng tù.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về vật chứng vụ án: Căn cứ điểm a, c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng Hình sự:

Tịch thu tiêu hủy 0,12 gam Heroine (là vật chứng còn lại sau giám định); 01 mảnh giấy màu trắng.

Về án phí: Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 2 Điều 136 của BLTTHS và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa, bị cáo nhất trí với quyết định truy tố của Viện kiểm sát và lời luận tội của Đại diện Viện kiểm sát.

Lời nói sau cùng của bị cáo trước khi HĐXX nghị án: Bị cáo đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:*

[1] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra và tại phiên tòa cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ căn cứ xác định: Hồi 13 giờ 50 phút ngày 30/5/2022, tại khu vực tổ dân phố 11, phường Nam Thanh, thành phố Đ, Vũ Minh P đã có hành vi cất giấu trái phép 0,23 gam Heroine trên người, mục đích để sử dụng. Hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự.

[2] Về tính chất, mức độ, động cơ hành vi phạm tội của bị cáo: Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, bị cáo nhận thức được tác hại của ma túy đối với bản thân và cộng đồng cũng như nhận thức được chính sách pháp luật hình sự của nhà nước đối với những hành vi mua bán, tàng trữ ... trái phép chất ma túy nhưng để thỏa mãn nhu cầu sử dụng ma túy của bản thân, bị cáo đã bất chấp các quy định của pháp luật, cố ý thực hiện hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội lớn, không những xâm phạm những quy định của nhà nước về chế độ quản lý, sử dụng các chất ma túy mà còn ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự trên địa bàn thành phố Đ. Do vậy, cần phải áp dụng một mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để giáo dục và phòng ngừa tội phạm.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự

[4] Về nhân thân, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Trước khi thực hiện hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy bị cáo không có tiền án, tiền sự.

Tại giai đoạn điều tra, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình; bố bị cáo được nhà nước tặng thưởng huân chương kháng chiến hạng nhất nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[5] Từ những phân tích nêu trên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ đã truy tố và kết luận bị cáo phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của BLHS xử phạt bị cáo từ 12 đến 15 tháng tù là có căn cứ, đúng pháp luật, bị cáo không bị oan.

[6] Về hình phạt bổ sung: Ngoài hình phạt chính bị cáo còn có thể bị phạt bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 249 của Bộ luật hình sự, bị cáo là lao động tự do, thu nhập không ổn định, không có tài sản có giá trị. Do vậy, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] Về các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình

điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

[8] Các vấn đề khác: Bị cáo khai bị cáo mua ma túy của người nam giới không quen biết nên không có cơ sở làm rõ trong vụ án.

[9] Về vật chứng vụ án: Căn cứ điểm a, c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng Hình sự:

Tịch thu tiêu hủy 0,12 gam Heroine (là vật chứng còn lại sau giám định); 01 mảnh giấy màu trắng do là vật nhà nước cất tàng trữ và là vật không có giá trị.

Đối với chiếc xe mô tô biển kiểm soát 27P1-012.00 là tài sản của bà Nguyễn Thị T. Ngày 30/5/2022, bị cáo sử dụng chiếc xe làm phương tiện đi mua ma túy, bà T không biết. Cơ quan Công an đã trả lại tài sản cho bà T là có căn cứ.

[10] Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của BLTTHS và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, buộc bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự;

1. Tuyên bố bị cáo **Vũ Minh P** phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Xử phạt bị cáo **Vũ Minh P** 01 (một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ (ngày 30/5/2022).

2. Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a, c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng Hình sự:

Tịch thu tiêu hủy 0,12 gam Heroine (là vật chứng còn lại sau giám định); 01 mảnh giấy màu trắng.

*(Theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 24/8/2022 giữa cơ quan cảnh sát điều tra, Công an thành phố Đ và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đ).*

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của BLTTHS và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, buộc bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 19/9/2022).

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Điện Biên;
- TAND tỉnh Điện Biên;
- Sở tư pháp;
- VKSND thành phố ĐBP;
- Bộ phận HSNV, CA thành phố ĐBP;
- Nhà Tạm giữ Công an TP.ĐBP;
- Hồ sơ THA hình sự;
- Chi cục THADS TP ĐBP;
- Bị cáo;
- **Người có QLNVLQ;**
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHÂN TÒA**

**Nguyễn Thị Bằng**